

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08 /2022/HNGĐ-ST**

Ngày 26/01/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Long - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Đình B – Sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng G, tỉnh B G

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Đ – Sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng G, tỉnh B G

Hiện nay đang làm việc tại Nhật Bản nhưng không có địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Vũ Đình B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Đ kết hôn ngày 09/11/2009 tại UBND xã Tân Đình, huyện Lạng G, tỉnh B G. Anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng thỏa thuận để chị Đ đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Từ đó đến nay chị Đ không liên lạc gì với anh và không gửi tiền về. Anh không thể chịu được cuộc sống vợ chồng như vậy, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Đình Huy, sinh ngày 24/6/2011. Hiện nay con chung đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Huy không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Bùi Thị Đ hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Bùi Thị Đ đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của chị Đ.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của chị Đ là bà Nguyễn Thị Phong, sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn Đồi, xã Mỹ Hà, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G, bà Phong có quan điểm như sau:

Bà là mẹ đẻ của chị Bùi Thị Đ có địa chỉ như trên, hiện nay chị Đ đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của chị Đ ở nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để chị Đ gửi quan điểm về thì gia đình bà từ chối thực hiện. Về việc anh B xin ly hôn thì chị Đ không trao đổi gì với gia đình bà. Chị Đ cũng đã hơn một năm không liên lạc gì với anh B do hai vợ chồng đã mâu thuẫn. Việc hôn nhân của anh chị, do anh chị tự quyết định.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm*, anh Vũ Đình B xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Bùi Thị Đ vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Vũ Đình B được ly hôn chị Bùi Thị Đ.

Về con chung: Do chị Đ đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Vũ Đình Huy, sinh ngày 24/6/2011 cho anh Vũ Đình B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Vũ Đình B không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: anh B trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Vũ Đình B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Vũ Đình B là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Bùi Thị Đ. Bị đơn chị Bùi Thị Đ là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Văn 1, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng G, tỉnh B G nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 24532/QLXNC-P5 ngày 22/10/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Bùi Thị Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 10/7/2017, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị Đ. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B G, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Vũ Đình B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Bùi Thị Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng

không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp chị Bùi Thị Đ cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị Đ theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B và chị Đ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Bùi Thị Đ kết hôn ngày 09/11/2009 tại UBND xã Tân Dĩnh, huyện Lạng G, tỉnh B G. Anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng thỏa thuận để chị Đ đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Từ đó đến nay chị Đ không liên lạc gì với anh B. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Vũ Đình B và chị Bùi Thị Đ là hợp pháp. Hiện nay anh Vũ Đình B và chị Bùi Thị Đ mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Vũ Đình B và chị Bùi Thị Đ đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Vũ Đình B và chị Bùi Thị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Vũ Đình B được ly hôn chị Bùi Thị Đ.

[4]. Về con chung: Anh Vũ Đình B và chị Bùi Thị Đ có 01 con chung là cháu Vũ Đình Huy, sinh ngày 24/6/2011. Hiện nay con chung đang ở với anh B. Anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị Đ không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Do đó chị Đ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Hiện nay con chung đang ở ổn định với anh B. Cháu Huy có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 01 con chung là cháu Vũ Đình Huy, sinh ngày 24/6/2011 cho anh Vũ Đình B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Vũ Đình B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Bùi Thị Đ về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh Vũ Đình B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Vũ Đình B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình B được ly hôn chị Bùi Thị Đ.

2. Về con chung: giao 01 con chung là cháu Vũ Đình Huy, sinh ngày 24/6/2011 cho anh Vũ Đình B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Vũ Đình B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Bùi Thị Đ về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Vũ Đình B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0000127 ngày 11/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B G. Xác nhận anh Vũ Đình B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Bùi Thị Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Vũ Đình B cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B G;
- Cục THADS tỉnh B G
- UBND xã Tân Dĩnh, huyện Lạng G
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương

